guǒ dòng

果冻

noun · jelly

Example Sentences

Zhè ge guǒ dòng shì cǎo méi wèi de
这个果 冻 是草莓味的。

This jelly is strawberry flavored.

Hái zi men xǐ huān chī guǒ dòng dāng líng shí
孩子们喜欢吃果 冻 当 零食。

Children like to eat jelly as a snack.

Trace each character, then write the word on your own.

果 果 果 果 果 果 果 果 果 果 果

冻 冻 冻 冻 冻 冻 冻 冻 冻 冻